TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2019/HSST
Ngày: 17 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Đức Trung

- Ông Nguyễn Văn Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thúy Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Lê Viết Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **HÀ DUY L** (tên gọi khác: LT) - sinh năm 1993, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: NDT, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề ngiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Thái B (đã chết) và bà Ngô Thị T - sinh năm: 1964; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không;

Tiền án: 03 tiền án.

- Ngày 03/4/2012, bị Toà án nhân dân thành phố B, xử phạt 06 tháng tù, về tội "*Trộm cắp tài sản*", theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, bản án số: 112/2012/HSST. Ngày 16/6/2012, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống.

- Ngày 05/12/2012, bị Toà án nhân dân thành phố B, xử phạt 15 tháng tù, về tội "*Trộm cắp tài sản*", theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, bản án số: 360/2012/HSST. Ngày 27/11/2013, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống.

- Ngày 02/11/2015, bị Toà án nhân dân thành phố B, xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội "*Trộm cắp tài sản*", quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, bản án số: 330/2015/HSST. Ngày 22/9/2018, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống.

Nhân thân: Ngày 29/4/2011, bị Công an phường TT1, thành phố B, ban hành Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền, về hành vi gây rối trật tự công cộng

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2018 đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **TRẦN TUẤN A** (tên gọi khác: TB) - sinh năm 1986, tại tỉnh: Nam Định; Nơi cư trú: QT, phường QT, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; con ông: Trần Đức V (đã chết) và con bà: Hoàng Thị Kim T1 - sinh năm: 1955; bị cáo có vợ là Ma Thị Diệu Tr – sinh năm 1988, bị cáo có 01 con sinh năm 2010.

Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 30/3/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố B, ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Ngày 11/5/2018 chấp hành xong.

Nhân thân:

- Ngày 04/9/2007, bị Toà án nhân dân thành phố B, xử phạt 02 năm tù, về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án số: 200/2007/HSST. Ngày 30/01/2009, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 21/12/2012, bị Toà án nhân dân thành phố B, xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, bản án số: 384/2012/HSST. Ngày 24/01/2015, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 06/9/2015, bị Công an thành phố NĐ, tỉnh Nam Định, ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức phạt tiền. Ngày 08/9/2015 chấp hành xong biện pháp hành chính

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2019 đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại**: Bà Trần Thị Kim D – sinh năm 1966, địa chỉ: NTP, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Thái Phi T2 – sinh năm 1991; địa chỉ: Am, phường TA, thành phố B, Đắk Lắk. (vắng mặt)

*** Người làm chứng**:

- Ông Nguyễn Tuấn A1 – sinh năm 1960, địa chỉ: NTP, phường TN, thành

phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

- Ông Trần Anh T3 – sinh năm 1998, địa chỉ: T7, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1972; địa chỉ: T12, phường TC, thành phố B, Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Duy L, Trần Tuấn A đều là các đối tượng nghiện chất ma túy. Khoảng 18 giờ ngày 24/12/2018 L, Trần Tuấn A và Trần Anh T3, gặp nhau ở khu vực hoa viên trên đường PĐP, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk rủ nhau đi bộ vào trung tâm thành phố B chơi.

Khi cả 03 người đi ngang qua phía trước số nhà NTP, phường TN, thành phố B thì L nhìn thấy phía trước nhà có để 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Ultimo, màu đen, gắn biển số 47M8-5013, trên xe có gắn chìa khóa điện, của bà Trần Thị Kim D, không có người trông coi. Thấy vậy, L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này nên giả bộ đứng lại phía trước nhà bà D đi vệ sinh mục đích để quan sát xung quanh. Trần Tuấn A và Trần Anh T3 không biết ý định trộm cắp xe mô tô của L nên vẫn đi bộ về phía trước hướng ra đường NTP. L quan sát thấy không có người nên lén lút trộm chiếc xe mô tô biển số 47M8-5013, rồi điều khiển xe mô tô chạy đến chỗ Trần Tuấn A và Trần Anh T3 đang đi bộ phía trước và nói với cả hai là "*lên xe đi*" thì Trần Tuấn A nhảy lên, ngồi sau xe mô tô, còn Trần Anh T3 không nói gì, không lên xe mô tô của L mà vẫn đi bộ về phía trước.

Khi Trần Tuấn A lên xe mô tô thì L điều khiển xe chở Tuấn A vào trung tâm thành phố B, trên đường đi L hỏi Tuấn A là tiêu thụ xe trộm cắp ở đâu? Trần Tuấn A biết xe mô tô L muốn tiêu thụ là tài sản do L trộm cắp mà có nhưng cần tiền mua ma túy sử dụng nên Tuấn A lấy điện thoại hiệu Masstel, màu đen ra gọi cho anh Thái Phi T2 (là bạn của Tuấn A) hỏi cầm cố xe, rồi nói L điều khiển xe đến địa chỉ: Am, phường TA, thành phố B.

Khi đến nơi, L đứng ngoài đường đợi còn Tuấn A mang xe mô tô biển số 47M8-5013, vào cầm cố cho anh T2 được số tiền 850.000 đồng. Số tiền này L, Trần Tuấn A mua ma túy của một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch), sau đó L và Tuấn A cùng nhau sử dụng hết số ma túy trên. Khi bà D phát hiện bị trộm cắp xe mô tô đã hỏi hàng xóm xung quanh thì biết được có 03 thanh niên đi bộ ngang qua nhà bà hướng về đường NTP nên bà mượn xe mô tô của hàng xóm điều khiển xe mô tô đi theo hướng đường NTP ra Trung Tâm thành phố B thì bắt gặpTrần Anh T3 đang đi bộ trên đường. Bà D thấy Trần Anh T3 khả nghi nên đã nhờ người dân trình báo đến Công an phường TN, để đưa Trần Anh T3 về trụ sở làm việc.

Một lúc sau Trần Tuấn A nhận được điện thoại của bạn bè ngoài xã hội (không rõ lai lịch) nói trả lại xe cho bà D thì Tuấn A quay lại chỗ anh T2 xin chuộc lại xe mô tô đã cầm cố. Tuấn A trả cho anh T2 số tiền 300.000 đồng và còn nợ lại

số tiền 550.000 đồng thì anh T2 đồng ý cho Tuấn A nợ lại tiền và trả lại xe cho Tuấn A. Sau đó, Tuấn A đưa chiếc xe mô tô gắn biển số 47M8- 5013, để L điều khiển xe đi đến trước nhà bà D trả lại xe cho ông Nguyễn Tuấn A1 (là chồng bà D). Ngày 25/12/2018, bà D tự nguyện giao nộp xe mô tô hiệu Yamaha Ultimo, màu đen, biển số 47M8-5013, cho Cơ quan điều tra. Ngày 30/12/2018 cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen và 01 xe gắn máy hiệu Honda màu xanh, biển số 47FD-3582, của Trần Tuấn A để phục vụ công tác điều tra

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 44/KLĐG ngày 20/2/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Ultimo, số khung RLCM23B108Y004517, số máy 23B1- 004517, màu đen, biển số 47M8-5013, trị giá 2.000.000 đồng

Đối với Trần Anh T3 đi cùng với Hà Duy L, Trần Tuấn A vào ngày 24/12/2018. Quá trình điều tra xác định được: Trần Anh T3 không bàn bạc, không giúp sức, không biết mục đích trộm cắp xe mô tô của bị can Hà Duy L, không hưởng lợi từ việc L và Trần Tuấn A tiêu thụ xe mô tô do trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý hình sự.

Đối với anh Thái Phi T2 là người nhận cầm cố xe mô tô biển số 47M8-5013, với số tiền 850.000 đồng, nhưng Anh T2 không biết xe mô tô là do các bị cáo Hà Duy L, Trần Tuấn A phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Hà Duy L và Trần Tuấn A. Ngày 20/3/2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bằng hình thức phạt cảnh cáo.

Tại bản cáo trạng số 130/CT-VKSTP.BMT ngày 24/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Hà Duy L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố Trần Tuấn A về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Hà Duy L, Trần Tuấn A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo L và bị cáo A đồng ý bồi thường số tiền 550.000 đồng cho ông Thái Phi Tr.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng số 130/CT-VKSTP.BMT ngày 24/4/2019 đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Hà Duy L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; bị cáo Trần Tuấn A phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*"

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hà Duy L mức án từ 02 tù năm đến 03 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Tuấn A mức án từ 09 tháng tù đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo Hà Duy L và bị cáo Trần Tuấn A phải liên đới bồi thường cho ông Thái Phi T2 số tiền 550.000 đồng. Bà Trần Thị Kim D không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra xác định xe mô tô hiệu Yamaha, màu đen, có số khung RLCM23B108Y004517, số máy 23B1-004517, kiểu dáng xe Mio, do bà Mai Bích D1, sinh năm: 1988, trú tại: LĐT, phường X, Quận GV, thành phố HCM, đăng ký chủ sở hữu lần đầu vào ngày 25/12/2008, với biển số đăng ký là 54V4- 0664. Năm 2012 bà Mai Bích D1 đã bán chiếc xe mô tô cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch (việc mua bán xe không có giấy tờ)

Quá trình điều tra, bà Trần Thị Kim D khai nhận: Chiếc xe mô tô bị trộm cắp vào ngày 24/12/2018, có nguồn gốc do chị Đỗ Trần Kim P (là con bà Trần Thị Kim D) mua lại của chị Nguyễn Thị Phương N (là bạn của chị P) vào năm 2016 với số tiền là 4.000.000 đồng, khi mua bán không có giấy tờ. Chị Nguyễn Thị Phương N trình bày: Năm 2016 một người bạn tên N1 (không rõ nhân thân, lai lịch), đến mượn tiền rồi để lại chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Ultimo, màu đen, gắn biển số 47M8- 5013, cho chị N để làm tin nhưng sau đó N1 không quay lại trả tiền và lấy xe nên chị N bán chiếc xe lại cho chị P. Sau đó, chị P đưa xe mô tô cho bà Trần Thị Kim D để làm phương tiện đi lại. Hiện cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, chưa xác minh làm rõ được chủ sở hữu nên tách ra để điều tra xác minh và xử lý sau nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với xe máy biển số 47FD- 3582, nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, số khung C50- 9658291, số máy C50E- 9658294. Quá trình điều tra: Bị cáo Trần Tuấn A khai nhận đã mượn xe máy biển số 47FD- 3582, của Lưu Minh T4, sinh năm 1987, trú tại: MTB, phường ThN, thành phố B (T4 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột), để đi công việc. T4 khai nhận: Khoảng tháng 3/2018 T4 mua của một nam thanh niên (không rõ lai lịch) với số tiền 600.000 đồng, sau đó T4 cho Trần Tuấn A mượn xe thì bị Cơ quan điều tra tạm giữ. Ngày 26/2/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định trưng cầu giám định xe máy biển số 47FD- 3582. Tại bản kết luận giám định số 1182/PC09 ngày 03/01/2019 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Số khung: Không thay đổi; Số máy: Không thay đổi; Biển số: Là biển số thật. Kết quả điều tra xác định: Xe máy biển số 47FD-3582, đứng

tên chủ xe là ông Lê Văn H1, sinh năm:1964, địa chỉ: Thôn Y, xã Er, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau một thời gian sử dụng, ông H1 đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch. Hiện cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, chưa xác định được chủ sở hữu nên tách chiếc xe gắn máy, biển số 47FD- 3582, ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với biển số xe 47M8-5013 (được gắn vào xe mô tô hiệu Yamaha, màu đen, kiểu dáng xe Mio, biển số 54V4-0664). Kết quả điều tra xác định: Biển số 47M8-5013, là của xe mô tô hiệu Suketa, do ông Lê Văn S, địa chỉ: Thôn Z, xã En, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên chủ xe. Ngày 26/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trưng cầu giám định biển số 47M8-5013. Tại bản kết luận giám định số 1182/PC09 ngày 03/01/2019 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Biển số: Là biển số thật. Ngày 19/2/2019 cơ quan điều tra xác minh tại địa chỉ: Thôn Z, xã En, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhưng không có tên Lê Văn S đăng ký thường trú, tạm trú tại địa phương nên cần tịch thu tiêu hủy vì không có giá trị pháp lý.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, số imei 1: 867272020305766; số imei 2: 8672722020305774, là tài sản của Trần Tuấn A dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì, mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai mà các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 24/12/2018, tại NTP, phường TN, thành

phố B, tỉnh Đắk Lắk, Hà Duy L đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển số 47M8-5013 của bà Trần Thị Kim D, trị giá tài sản bị cáo L trộm cắp được là 2.000.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội L có 03 tiền án chưa được xóa án tích, phạm tội thuộc trường hợp "*Tái phạm nguy hiểm*". Vì vậy, hành vi của bị cáo Hà Duy L đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Trần Tuấn A, sau khi Hà Duy L trộm cắp được xe mô tô biển số 47M8-5013, bị cáo biết rõ chiếc xe là tài sản do L trộm cắp mà có. Trần Tuấn A đã cầm cố chiếc xe cho ông Thái Phi T2 được số tiền 850.000 đồng. Số tiền có được L và A dùng để mua ma túy sử dụng và trả lại cho ông T2 300.000 đồng để chuộc lại xe. Hành vi của bị cáo Trần Tuấn A đã phạm vào tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173 và Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

- Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm"

...

g, Tái phạm nguy hiểm.

..."

- Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

"*1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

..."

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hà Duy L và bị cáo Trần Tuấn A là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ: Các bị cáo nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị trừng trị thích đáng. Bị cáo L và bị cáo A là người nghiện ma túy, xuất phát từ ý thức coi

thường pháp luật, lười biếng lao động muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo L và bị cáo A không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Hà Duy L và Trần Tuấn A có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện.

Xét trong vụ án này có 02 bị cáo phạm vào 02 tội khác nhau và tính chất, mức độ, hành vi khác nhau nên Hội đồng xét xử cần đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, trên cơ sở đó cụ thể hoá mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp.

[2.1] Bị cáo Hà Duy L là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo có 03 tiền án chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định có như vậy mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Hà Duy L đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử cần áp dụng khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo L để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[2.2] Bị cáo Trần Tuấn A, sau khi biết chiếc xe là tài sản do bị cáo Hà Duy L trộm cắp của người khác mà có, bị cáo đã tích cực tìm chỗ tiêu thụ, là người trực tiếp cầm cố chiếc xe và nhận tiền từ anh Thái Phi T2, bị cáo là người có nhân thân xấu. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định có như vậy mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Tuấn A đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử cần áp dụng khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Tuấn A thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Quá điều tra bị hại bà Trần Thị Kim D không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Phi T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 550.000 đồng, xét thấy yêu cầu của ông T2 là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật. Số tiền có được từ việc cầm cố chiếc xe mô tô cho ông Thái Phi T2 các bị cáo L cùng nhau sử dụng, tại phiên tòa bị cáo

Hà Duy L và bị cáo Trần Tuấn A đồng ý bồi thường cho ông T2 số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo Hà Duy L và bị cáo Trần Tuấn A phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 550.000 đồng cho ông Thái Phi T2, chia theo phần cụ thể: Bị cáo Hà Duy L phải bồi thường số tiền 275.000 đồng, bị cáo Trần Tuấn A phải bồi thường số tiền 275.000 đồng. Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

[4] Về vật chứng của vụ án:

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, màu đen, có số khung RLCM23B108Y004517, số máy 23B1- 004517, kiểu dáng xe Mio, quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, chưa xác minh làm rõ được chủ sở hữu nên đã tách ra để điều tra xác minh và xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với xe máy biển số 47FD- 3582, nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, số khung C50- 9658291, số máy C50E- 9658294, quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, chưa xác định được chủ sở hữu nên tách chiếc xe gắn máy, biển số 47FD- 3582, ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với biển số xe 47M8-5013 gắn vào xe hiệu Yamaha, màu đen, có số khung RLCM23B108Y004517, số máy 23B1- 004517, kiểu dáng xe Mio không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, số imei 1: 867272020305766; số imei 2: 8672722020305774, là tài sản của Trần Tuấn A dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hà Duy L và bị cáo Trần Tuấn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Hà Duy L và bị cáo Trần Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 260, Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

[1] Tuyên bố: Bị cáo Hà Duy L (tên gọi khác: LT) phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Bị cáo Trần Tuấn A (tên gọi khác: TB) phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Hà Duy L** (tên gọi khác: LT) 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 26/12/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Tuấn A** (tên gọi khác: TB) 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 01/01/2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hà Duy L và bị cáo Trần Tuấn A phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Thái Phi T2 số tiền 550.000 đồng, cụ thể: Bị cáo Hà Duy L phải bồi thường số tiền 275.000 đồng, bị cáo Trần Tuấn A phải bồi thường số tiền 275.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

[3] Về xử lý vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2017.

- Tịch thu tiêu hủy biển số xe mô tô 47M8-5013.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, số imei 1: 867272020305766; số imei 2: 8672722020305774.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/4/2019).

[4] Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Hà Duy L và bị cáo Trần Tuấn A mỗi người phải chịu 200.000 (*hai trăm*) ngàn đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hà Duy L và bị cáo Trần Tuấn A mỗi người phải chịu 300.000 (*ba trăm*) ngàn đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :
- Vụ GĐKT I, TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an TP.BMT;
- THADS TP.BMT,;
- THA HS TP.BMT
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có ql & nv liên quan;
- Lưu: HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký

Huỳnh Văn Dự